TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2024/DS - ST
Ngày: 26 - 8 - 2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Păng Ting Nốck;

2. Bà Đỗ Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 329/2023/TLST - DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST - DS ngày 04/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST - DS ngày 04/7/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 83/2024/QĐST - DS ngày 26/7/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266 - 268 (Lầu 8), đường N, phường V, Quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh L kiêm trưởng phòng giao dịch Đ (theo văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ - PL ngày 26/12/2022) - có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: A42 Golden Hill, đường N, Phường C, thành phố Đ, tỉnh L. Địa chỉ hiện trú: Số 87/23, đường Nguyễn Trung Trực, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh L(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2023, đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng và trình bày của ông Đặng Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì: Vào ngày 16/08/2023, bà Trần Thị Thu H đã ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng TMCP S - phòng giao dịch Đ. Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng cho bà H với hạn mức sử dụng là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng thì bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 90.100.000đ (*Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng*).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ là ngày 22/08/2023 đến ngày 06/11/2023, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 5.199.958đ (*Năm triệu một trăm chín mươi chín ngàn chín trăm năm mươi tám đồng*). Sau đó bà H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 06/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi quá hạn được tính trên dư nợ gốc kể từ ngày 07/11/2023 là 90.100.000 đồng theo mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay, tương đương 49,8%/năm (bằng lãi trong hạn 33,2% x 150%).

Diễn giải một số định nghĩa và thông tin về giao dịch của bà H trong thời gian sử dụng thẻ: Theo Hợp đồng đã ký kết, ngày 05 hàng tháng là ngày phát hành thông báo giao dịch trong đó thể hiện rõ các giao dịch trong kỳ, phí và lãi phát sinh trong kỳ, ngày thông báo, thanh toán trước ngày (ngày đến hạn), dư nợ cuối kỳ, số tiền thanh toán tối thiểu…thời gian giữa hai kỳ thông báo giao dịch là 30 ngày. Ngày đến hạn: là thời hạn cuối cùng mà Chủ thẻ phải thanh toán số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu được ghi trong thông báo giao dịch hàng tháng. Số tiền thanh toán: Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ. Tuy nhiên, Chủ thẻ có quyền lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu hoặc tổng số tiền cao hơn số tiền tối thiểu để thanh

toán cho Ngân hàng phát hành thẻ. Dư nợ thẻ (gọi tắt là Dư nợ) là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ. Nếu Chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, Chủ thẻ phải thanh toán lãi cho Ngân hàng đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại. Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán.

Cách tính lãi: Đối với giao dịch mua hàng hóa (không áp dụng thẻ tín dụng Family): phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên tài khoản (ngoại trừ giao dịch rút tiền mặt) nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ đúng hạn hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán lãi đối với tất cả khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ. Đối với giao dịch mua hàng hóa bằng thẻ tín dụng Family, lãi sẽ được tính từ thời điểm Chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã sử dụng. Giao dịch mua hàng hóa chỉ được miễn lãi khi dư nợ đầu kỳ bằng 0 hoặc khách hàng thanh toán hết toàn bộ 100% dư nợ trước ngày đến hạn thanh toán. Đối với giao dịch rút tiền mặt và tương đương rút tiền mặt: Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã sử dụng. Đối với đặc tính của thẻ tín dụng, sau khi khách hàng thanh toán thì hạn mức thẻ (A) sẽ được khôi phục tương ứng với số tiền đã thanh toán sau khi loại trừ lãi và phí phát sinh, và khách hàng được quyền sử dụng lại hạn mức A nói trên.

Quá trình Ngân hàng TMCP S đã khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 95.104.883đ (trong đó nợ gốc là 90.100.000 và lãi là 5.004.883đ). Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết đến ngày 25/7/2024 bà H đã trả thêm được số tiền 30.200.267đ (Trong đó nợ gốc là 17.317.403đ, lãi trong hạn là 4.000.000đ, lãi quá hạn là 8.882.864đ). Nay, Ngân hàng xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện so với nội dung đơn kiện ban đầu, yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền là 98.638.742đ (*Chín mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 72.782.597đ, lãi trong hạn là 20.711.701đ, lãi quá hạn là 2.945.444đ, phí là 2.199.000đ.

Theo bản tự khai ngày 23/8/2024 của bị đơn bà Trần Thị Thu H trình bày thì: Bà H thừa nhận quá trình vào ngày 16/8/2023 bà đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với nguyên đơn Ngân hàng TMCP S để vay thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Quá trình sử dụng thẻ bà đã sử dụng số tiền 90.100.000đ (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng), quá trình bà đã trả được số tiền nợ gốc là 17.317.403đ và trả lãi số tiền là 12.882.864đ. Nay, bà xác nhận còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc là 72.782.597đ (*Bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn năm trăm chín mươi bảy đồng*), bà thống nhất với mức tính lãi của Ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký giữa hai bên. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn nên bà xin ngân hàng giảm lãi. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Bà xác nhận bà đã được Tòa án thông báo về việc giải quyết vụ và xét xử, nhưng do bà không sắp xếp được công việc nên xin được vắng mặt.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập bị đơn bà H để tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng do bà H vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Ông Đặng Văn Trung là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP S xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện so với nội dung đơn khởi kiện ban đầu. Do, sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án tính đến ngày 25/7/2024, bà H đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 30.200.267đ (Trong đó nợ gốc là 17.317.403đ, lãi trong hạn là 4.000.000đ, lãi quá hạn là 8.882.864đ). Nay, ngân hàng yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán tổng cộng số tiền là 98.638.742đ (trong đó nợ gốc còn lại là 72.782.597đ, tiền lãi trong hạn là 20.711.701đ, lãi quá hạn tính từ ngày 07/11/2023 đến ngày 26/8/2024 là 2.945.444đ, phí thường niên là 397.000đ, phí rút tiền mặt là 1.802.000đ). Ngân hàng không đồng ý yêu cầu xin giảm lãi của bà H. Trường hợp nếu bà H có thiện chí thanh toán đủ số tiền thì Ngân hàng sẽ xem xét giảm lãi sau.

Bị đơn bà H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ không tham gia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và bị đơn bà Trần Thị Thu H có xác lập giao dịch dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng theo hình thức mở thẻ tín dụng, do quá trình bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lcó thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 16/8/2023 bà Trần Thị Thu H đã ký "*Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân*" với Ngân hàng TMCP S, theo yêu cầu mở thẻ của bà Trần Thị Thu H thì Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng cho bà H theo số thẻ 472074 - 0222, loại thẻ Visa Classic, ngày phát hành 18/8/2023 với hạn mức mở thẻ là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Căn cứ theo trình bày và các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thì xác định được quá trình giao dịch mở thẻ bà H đã sử dụng số tiền 90.100.000đ (*Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng)*. Tính đến ngày 25/7/2024 bà H đã trả được số tiền gốc là 17.317.403đ (*Mười bảy triệu ba trăm mười bảy ngàn bốn trăm linh ba đồng*); tính đến thời điểm hiện nay bà H còn nợ gốc số tiền là 72.782.597đ (*Bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn năm trăm chín mươi bảy đồng*), bà H cũng thừa nhận còn nợ của Ngân hàng số nợ gốc như nêu trên.

Như vậy, từ những phân tích trên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc còn thiếu là 72.782.597đ (*Bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn năm trăm chín mươi bảy đồng*).

[3.4] Về tiền lãi, phí: Tại phiên tòa nguyên đơn xác định lãi suất hai bên thỏa thuận cho bà Trần Thị Thu H vay với mức lãi là 30,2%/năm thể hiện trong

"*Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân*" do bà H ký với Ngân hàng.

Lãi trong hạn được tính = (Dư nợ x lãi suất cho vay x số ngày trễ hạn)/365 ngày. Tổng số lãi trong hạn phải thanh toán là 29.967.071 (*Hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm bảy mươi mốt đồng*), quá trình bà H đã thanh toán tiền lãi trong hạn được 9.255.370đ (*Chín triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn ba trăm bảy mươi đồng*), còn nợ tiền lãi trong hạn là 20.711.701đ (*Hai mươi triệu bảy trăm mười một ngàn bảy trăm linh một đồng*).

Lãi suất quá hạn = (Dư nợ x lãi suất cho vay x 150%)/365 ngày (theo mức lãi quá hạn tính là 49,8%/năm). Tổng cộng tiền lãi quá hạn bà H phải thanh toán tính từ ngày 07/11/2023 đến ngày xét xử là 11.828.308 (*Mười một triệu tám trăm hai mươi tám ngàn ba trăm linh tám đồng*), quá trình bà H đã thanh toán số tiền lãi quá hạn được 8.882.864đ (*Tám triệu tám răm tám mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng*), bà H còn nợ tiền lãi quá hạn là 2.945.444đ (*Hai triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng*).

Bà H cũng đồng ý với mức tính lãi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mở thẻ, nhưng xin được giảm lãi.

Nay, Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Trần Thị Thu H phải thanh toán khoản tiền lãi như nêu trên tổng cộng là 23.657.145 (*Hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi lăm đồng*) gồm lãi trong hạn là 20.711.701đ, lãi quá hạn là 2.945.444đ. Đồng thời yêu cầu các khoản tiền phí là 2.199.000đ (*Hai triệu một trăm chín mươi chín ngàn đồng*), trong đó phí thường niên là 397.000đ, phí rút tiền mặt là 1.802.000đ.

(Được thể hiện theo Bảng tính lãi vay tính đến ngày 26/8/2024 do ngân hàng cung cấp cho Tòa án).

Đối với yêu cầu về tiền lãi, phí do Ngân hàng TMCP S tính toán phù hợp theo điều khoản thỏa thuận tại "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân" ngày 16/8/2023 do bà H đã ký kết với ngân hàng nên có căn cứ được chấp nhận.

[4] Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bị đơn bà Trần Thị Thu H; buộc bà Trần Thị Thu H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng cộng số tiền là 98.638.742đ (*Chín mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm bốn mươi hai đồng*), gồm tiền nợ gốc là 72.782.597đ, tiền lãi là 23.657.145đ (trong đó lãi trong hạn là 20.711.701đ, lãi quá hạn là 2.945.444đ), phí là 2.199.000đ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự theo quy định trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 385, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm c khoản 4, Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với bị đơn bà Trần Thị Thu H.

Buộc bà Trần Thị Thu H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng cộng số tiền là 98.638.742đ (*Chín mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 72.782.597đ, lãi trong hạn là 20.711.701đ, lãi quá hạn là 2.945.444đ, phí là 2.199.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/8/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 16/8/2023.

2/Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 4.932.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.375.000đ (*Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000164 ngày 15/12/2023) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh L.

3/Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/8/2024). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lxét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan